

Số: /BC-HĐTĐ

Lai Châu, ngày tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO

Đánh giá kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 của các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố

A. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI

1. Căn cứ thực hiện

Căn cứ Quyết định số 1726/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành Bộ chỉ số xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Kế hoạch số 157/KH-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2023 của UBND tỉnh Lai Châu về triển khai đánh giá, xếp hạng kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2022 của các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Công tác tự chấm điểm, thẩm định Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố (gọi tắt là chỉ số của các cơ quan, đơn vị)

2.1. Công tác tự chấm điểm

Thực hiện Kế hoạch số 157/KH-UBND của UBND tỉnh, các văn bản của Sở Nội vụ và Hội đồng thẩm định, các cơ quan, đơn vị đã thực hiện tự chấm điểm và gửi báo cáo kết quả tự chấm điểm cơ bản đảm bảo theo quy định. Việc tự chấm điểm và gửi báo cáo kết quả chấm điểm được thực hiện hoàn toàn trên Hệ thống phần mềm chấm điểm chỉ số cải cách hành chính tỉnh.

2.2. Công tác thẩm định

Việc thẩm định được các thành viên Hội đồng thẩm định và Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định tiến hành nghiêm túc, có trách nhiệm, rà soát, đánh giá kỹ từng tiêu chí, tiêu chí thành phần theo từng tài liệu, văn bản có liên quan. Bên cạnh tài liệu kiểm chứng của các cơ quan, đơn vị cung cấp, Tổ giúp việc sử dụng các thông tin, báo cáo, kết quả theo dõi của các Sở: Nội vụ, Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp, Tài chính, Văn phòng UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh... để thẩm định, chấm điểm.

Công tác thẩm định được thực hiện 02 lần, sau mỗi lần thẩm định, Hội đồng thẩm định gửi lại kết quả cho các cơ quan, đơn vị để rà soát giải trình, bổ sung tài liệu kiểm chứng (nếu có).

Trên cơ sở các văn bản quy định hiện hành và thống nhất của Tổ giúp việc, Hội đồng thẩm định đã họp và xem xét, đánh giá, thống nhất kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 của các cơ quan, đơn vị trình UBND tỉnh phê duyệt.

3. Công tác điều tra xã hội học

Điều tra xã hội học là một căn cứ đánh giá, xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị. Căn cứ Kế hoạch của UBND tỉnh, Sở Nội vụ - đơn vị được giao chủ trì đã phối hợp với các thành viên Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định xây dựng, hoàn thiện bộ câu hỏi điều tra theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần của Bộ chỉ số và phù hợp với từng nhóm đối tượng đánh giá. Từ ngày 20/02/2023 đến ngày 04/03/2023, Sở Nội vụ đã gửi phiếu điều tra đến từng đối tượng được điều tra thông qua địa chỉ mail cá nhân trên hệ thống phần mềm chấm điểm với tổng số 1611 phiếu. Kết thúc thời gian điều tra, số phiếu thu về được 1543 phiếu¹. Trên cơ sở kết quả phiếu điều tra, Sở Nội vụ tổng hợp điểm điều tra làm căn cứ đánh giá, xếp hạng Chỉ số CCHC năm 2022 của các cơ quan, đơn vị.

B. KẾT QUẢ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2022 CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH TỈNH; UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Chỉ số CCHC năm 2022 của các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố được đánh giá theo 8 Chỉ số thành phần (công tác chỉ đạo điều hành; cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy; cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công; xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số; đánh giá tác động của cải cách hành chính), với thang điểm đánh giá là 100 (trong đó: đánh giá thông qua thẩm định kết quả tự đánh giá của các cơ quan, đơn vị là 70 điểm; đánh giá qua điều tra xã hội là 30 điểm²). Có 05 đơn vị được đánh giá theo thang điểm của những đơn vị đặc thù (Văn phòng UBND tỉnh, Sở Ngoại vụ, Thanh tra tỉnh, Ban Dân tộc, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh).

1. Chỉ số cải cách hành chính các sở, ban, ngành tỉnh

Biểu 01: Kết quả chỉ số của các sở, ngành tỉnh

¹ 68 phiếu các đối tượng điều tra không gửi lại Sở Nội vụ, trong đó có 33 phiếu của Đại biểu HĐND tỉnh

² 5 đơn vị đặc thù gồm: Sở Ngoại vụ, Văn phòng UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh, Ban Dân tộc, Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh đánh giá trên thang điểm nhiệm vụ các đơn vị phải thực hiện. Các nhiệm vụ không thuộc chức năng, nhiệm vụ của đơn vị không đánh giá.

STT	Đơn vị	Điểm đánh giá tác động	Điểm thẩm định	Tổng điểm	Thang điểm	Chỉ số năm 2022 (%)
I	15 sở, ngành					
1	Sở Nội vụ	25.90	60.31	86.21	100	86.21
2	Sở Tài chính	25.74	58.912	84.66	100	84.66
3	Sở Khoa học và Công nghệ	23.28	59.52	82.80	100	82.80
4	Sở Công thương	21.54	61.19	82.73	100	82.73
5	Sở Kế hoạch và đầu tư	24.66	56.83	81.49	100	81.49
6	Sở Thông tin và Truyền thông	25.38	55.91	81.29	100	81.29
7	Sở Tư pháp	24.27	54.92	79.19	100	79.19
8	Sở Nông nghiệp và PTNT	22.17	55.83	78.00	100	78.00
9	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	22.86	54.96	77.82	100	77.82
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	23.01	54.04	77.05	100	77.05
11	Sở Giao thông vận tải	22.20	53.56	75.76	100	75.76
12	Sở Xây dựng	23.19	50.81	74.00	100	74.00
13	Sở Tài nguyên và Môi trường	23.75	48.92	72.67	100	72.67
14	Sở Y Tế	22.00	42.48	64.48	100	64.48
15	Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch	23.43	40.18	63.61	100	63.61
II	05 đơn vị đặc thù					
1	Sở Ngoại vụ	14.81	41.52	56.33	69	81.64
2	Văn phòng UBND tỉnh	15.87	37.00	52.87	65	81.34
3	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	11.50	38.45	49.95	64	78.04
4	Thanh tra tỉnh	14.87	41.00	55.87	74	75.50
5	Ban Dân tộc	12.15	40.87	53.02	74	71.65

Chỉ số CCHC năm 2022 của các sở, ngành giảm so với năm 2021. Chỉ số trung bình của các sở, ngành đạt 77,45% (giảm 3,59% so với năm 2021). Các đơn vị có chỉ số cao gồm Sở: Nội vụ, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Công thương, thấp nhất là Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch, tiếp theo là Sở Y tế³; các đơn vị đặc thù dẫn đầu vẫn là Sở Ngoại vụ, đứng thứ hai là Văn phòng UBND tỉnh. Trong 08 chỉ số thành phần đánh giá, cao nhất là Chỉ số thành phần cải cách

³ Năm 2021 Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch đứng thứ 10/15 sở, Sở Y tế đứng thứ 15/15 sở.

thể chế, trung bình đạt 93,57%, thấp nhất là Chỉ số thành phần xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số thấp nhất, trung bình đạt 63,25%. Nhìn chung, các chỉ số thành phần của các sở, ban, ngành đều giảm so với năm 2021 (trừ chỉ số tác động của cải cách hành chính tăng 1,11%).

Có 5/20 đơn vị có chỉ số tăng so với năm 2021 gồm: Văn phòng UBND tỉnh, tăng 10,71%; Sở Lao động, thương binh và Xã hội tăng 3,52%, Sở Tài chính tăng 1,69%, Sở Nội vụ tăng 1,53%, Sở Giao thông vận tải tăng 0,04%. 15/20 đơn vị còn lại có chỉ số giảm so với năm 2021, giảm nhiều nhất là Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch 18,09% (có biểu chi tiết kèm theo).

Biểu 2. Biểu so sánh Chỉ số năm 2022 và năm 2021 của các sở, ban, ngành

STT	Tên đơn vị	Chỉ số CCHC (%)		Mức độ tăng/giảm (%)
		Năm 2022	Năm 2021	
I	15 sở, ngành			
1	Sở Nội vụ	86.21	84.68	1.53
2	Sở Tài chính	84.66	82.97	1.69
3	Sở Khoa học và Công nghệ	82.80	83.42	-0.62
4	Sở Công thương	82.73	84.03	-1.30
5	Sở Kế hoạch và đầu tư	81.50	84.75	-3.25
6	Sở Thông tin và Truyền thông	81.29	88.02	-6.73
7	Sở Tư pháp	79.19	88.53	-9.34
8	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	78.00	79.81	-1.81
9	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	77.82	74.30	3.52
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	77.05	83.49	-6.44
11	Sở Giao thông vận tải	75.76	75.69	0.07
12	Sở Xây dựng	74.00	81.79	-7.79
13	Sở Tài nguyên và Môi trường	72.67	80.79	-8.12
14	Sở Y Tế	64.48	71.19	-6.71
15	Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch	63.61	81.70	-18.09
II	05 đơn vị đặc thù			
1	Sở Ngoại vụ	81.64	85.72	-4.08
2	Văn Phòng UBND tỉnh	81.34	81.72	-0.38

STT	Tên đơn vị	Chỉ số CCHC (%)		Mức độ tăng/giảm (%)
		Năm 2022	Năm 2021	
3	Ban quản lý Khu kinh tế	78.04	67.33	10.71
4	Thanh tra tỉnh	75.50	82.26	-6.76
5	Ban Dân tộc	71.65	79.50	-7.85

2. Chỉ số cải cách hành chính các huyện, thành phố

Chỉ số CCHC năm 2022 của các huyện, thành phố trung bình đạt 69,78% (giảm 0.16% so với năm 2021). Mặc dù chỉ số có sự thay đổi, tuy nhiên các đơn vị đứng trong tốp đầu của các huyện, thành phố không có sự thay đổi nhiều, gồm có Than Uyên, huyện Tam Đường. Huyện Sìn Hồ đạt điểm chỉ số thấp nhất với 59,34% (giảm 2,94% so với năm 2021, đứng cuối cùng trong bảng xếp hạng⁴). Trong 08 Chỉ số thành phần đánh giá của cấp huyện, Chỉ số thành phần xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL có kết quả cao nhất, trung bình đạt 95,75%. Thấp nhất là Chỉ số thành phần cải cách tài chính công, trung bình đạt 40,5%.

Biểu 03: Chỉ số CCHC năm 2022 của các huyện, thành phố

STT	Đơn vị	Điểm đánh giá tác động	Điểm thẩm định	Tổng điểm	Thang điểm	Chỉ số năm 2022(%)
1	UBND huyện Than Uyên	26.50	50.66	77.16	100	77.16
2	UBND huyện Phong Thổ	24.18	47.92	72.10	100	72.10
3	UBND huyện Tam Đường	24.03	48.04	72.07	100	72.07
4	UBND thành phố Lai Châu	24.87	47.17	72.04	100	72.04
5	UBND huyện Nậm Nhùn	24.09	45.97	70.06	100	70.06
6	UBND huyện Tân Uyên	23.91	45.81	69.71	100	69.71
7	UBND huyện Mường Tè	23.28	42.56	65.84	100	65.84
8	UBND huyện Sìn Hồ	22.39	37.23	59.62	100	59.62

Có 5/8 huyện, thành phố chỉ số tăng so với năm 2021 gồm: Huyện Phong Thổ tăng 2,91%, huyện Mường Tè tăng 0,43%, huyện Tam Đường tăng 0,4%, huyện Tân Uyên tăng 0,4%, huyện Nậm Nhùn tăng 0,02%. 3/8 đơn vị có chỉ số giảm gồm: huyện Sìn Hồ giảm 2,66%, huyện Than Uyên giảm 1.35% và thành phố Lai Châu giảm 1,03%.

⁴ Năm 2020 Huyện Sìn Hồ cũng đứng cuối cùng bảng xếp hạng với 67,81%.

Biểu 4. Biểu so sánh Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 và năm 2021 của các huyện, thành phố

STT	Tên đơn vị	Chỉ số CCHC (%)		Mức độ tăng/giảm (%)
		2022	2021	
1	UBND huyện Than Uyên	77.16	78.51	-1.35
2	UBND huyện Phong Thổ	72.10	69.19	2.91
3	UBND huyện Tam Đường	72.07	71.67	0.40
4	UBND thành phố Lai Châu	72.04	73.07	-1.03
5	UBND huyện Nậm Nhùn	70.06	70.04	0.02
6	UBND huyện Tân Uyên	69.71	69.31	0.40
7	UBND huyện Mường Tè	65.84	65.41	0.43
8	UBND huyện Sìn Hồ	59.62	62.28	-2.66

II. KẾT QUẢ CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH TỈNH

1. Chỉ số thành phần công tác chỉ đạo điều hành

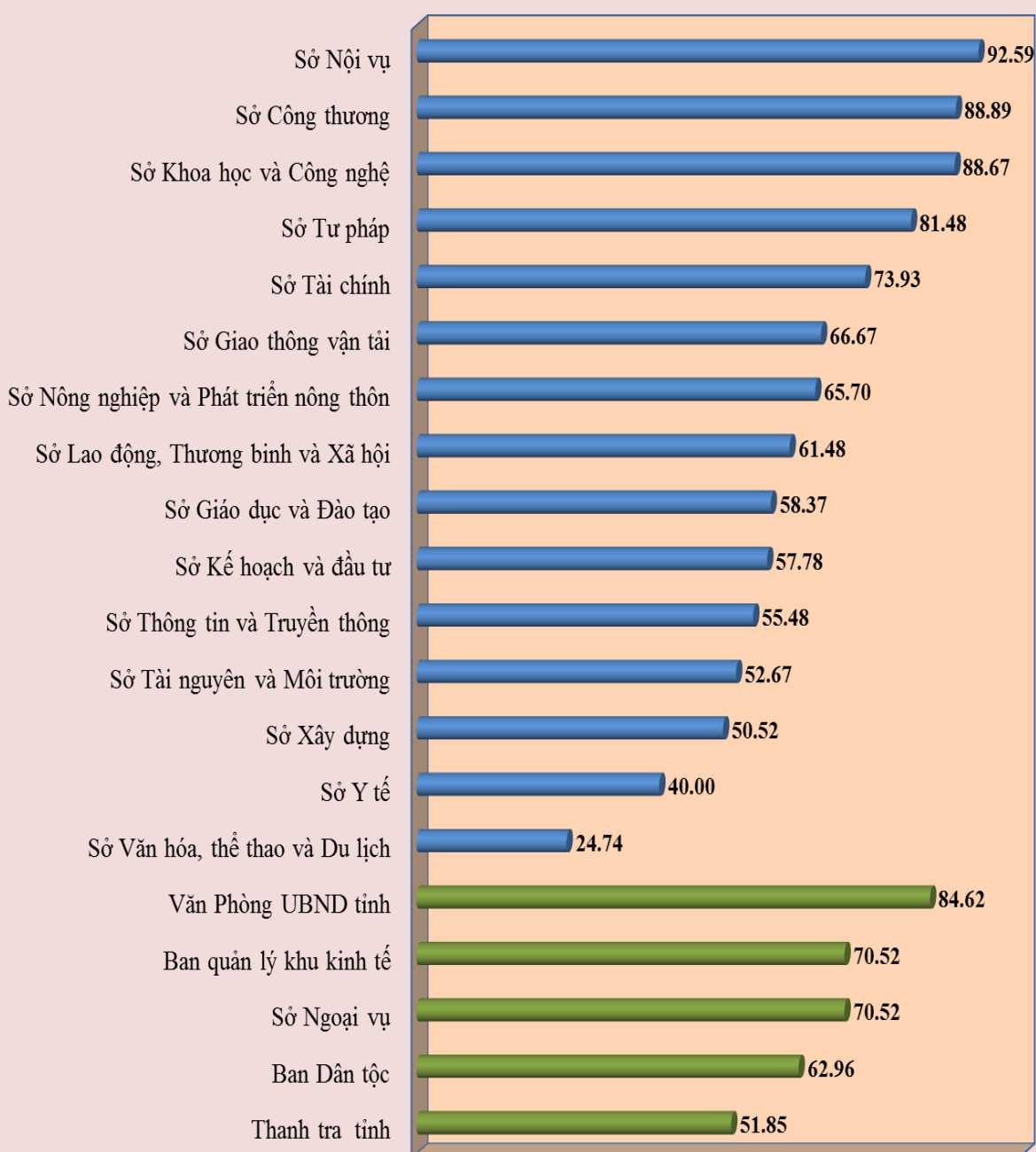
- Chỉ số thành phần công tác chỉ đạo điều hành của các sở, ban, ngành trung bình đạt 66,01% - giảm 13,45% so với năm 2021 (trong đó chỉ số trung bình của 15 sở giảm 16,82%; chỉ số trung bình của 5 sở, ngành đặc thù giảm 7,53%). Các đơn vị có chỉ số thành phần công tác chỉ đạo, điều hành cao gồm: Sở Nội vụ đạt 92,59%, Sở Công thương đạt 88,89%, Sở Khoa học và Công nghệ đạt 88,67%, Văn phòng UBND tỉnh đạt 84,62%. Thấp nhất là Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch 24,74%.

Trong 7 tiêu chí đánh giá chỉ số thành phần công tác chỉ đạo, điều hành của các sở, ngành, có 3 tiêu chí có tỷ lệ % điểm tăng so với năm 2021 gồm: sáng kiến, giải pháp mới trong triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính tăng 11,67%⁵; công tác kiểm tra cải cách hành chính tăng 2,12%; thực hiện các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao tăng 0,56%. 4 tiêu chí thành phần tỷ lệ % điểm giảm so với năm 2021, trong đó giảm nhiều nhất là tiêu chí thực hiện công tác cải cách hành chính gắn với chỉ số cải cách hành chính của tỉnh giảm 38,33%, tiếp theo là thực hiện chế độ báo cáo các lĩnh vực cải cách hành chính giảm 27,02%, mức độ hoàn thành kế hoạch cải cách hành chính giảm 12,68%, công tác tuyên

⁵ Tiêu chí sáng kiến tăng do năm 2022 có sự thay đổi trong cách đánh giá so với năm 2021 (đánh giá cả các sáng kiến được cấp cơ sở công nhận, năm 2021 chỉ đánh giá đối với các sáng kiến được cấp tỉnh hoặc trung ương công nhận)

truyền giảm 8,33%. Các tiêu chí đánh giá chỉ số thành phần công tác chỉ đạo, điều hành của các đơn vị giảm do: Thực hiện chế độ báo cáo một số lĩnh vực chưa nghiêm túc (còn tình trạng gửi muộn, gửi không đầy đủ như Sở Tư pháp, Sở Y tế, Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch), chưa có nhiều những sáng kiến kinh nghiệm trong lĩnh vực cải cách hành chính (Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giáo dục và Đào tạo, Thanh Tra tỉnh, Ban Dân tộc...), việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính còn có những hạn chế làm ảnh hưởng đến kết quả chỉ số cải cách hành chính của tỉnh (Thanh tra tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giáo dục và Đào tạo,...)

Biểu đồ 1. Chỉ số thành phần công tác chỉ đạo điều hành của các sở, ban, ngành năm 2022



So với năm 2021, có 3/20 đơn vị có chỉ số thành phần về công tác chỉ đạo, điều hành tăng gồm: Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh tăng 14,03%, Sở Công thương tăng 5,71%, Sở Giao thông vận tải tăng 3,33%. Nhóm có chỉ số giảm gồm 17/20 sở, ban, ngành, trong đó 5 đơn vị giảm trên 30% gồm: Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch giảm 58,46%, Sở Thông tin và Truyền thông giảm 37,78%, Sở Giáo dục và Đào tạo giảm 34,96%, Sở Kế hoạch và Đầu tư giảm 31,89%, Thanh tra tỉnh giảm 31,35%. Các đơn vị còn lại giảm từ 0,58%-29,35%.

2. Chỉ số thành phần cải cách thể chế

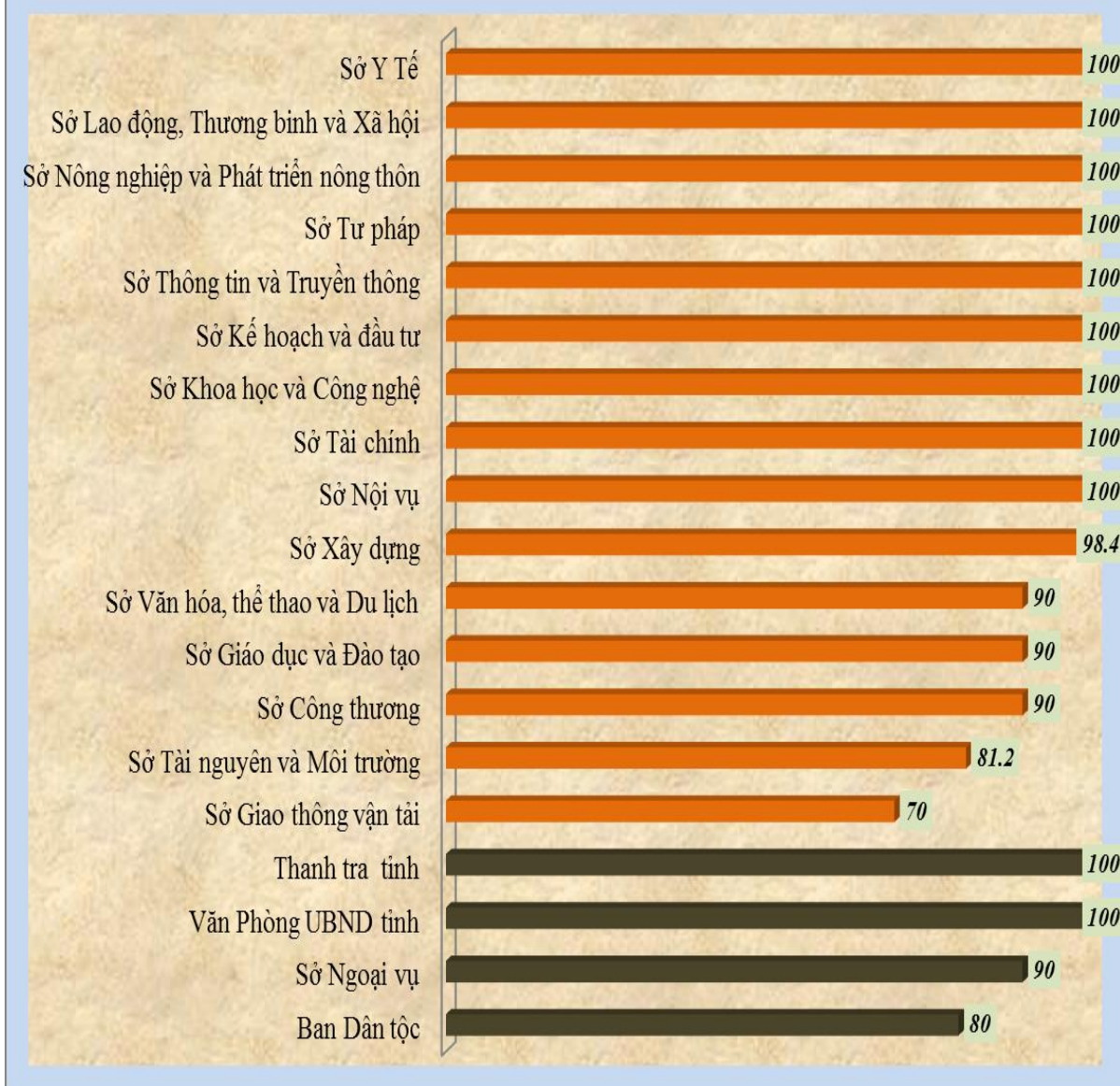
Chỉ số trung bình các sở, ngành đạt 93.57% - giảm 4,19% (trong đó chỉ số trung bình của 15 sở giảm 4,33%, của 4 đơn vị đặc thù giảm 3,65%⁶). Đây là chỉ số thành phần có kết quả cao nhất của các sở, ban, ngành tỉnh trong 8 chỉ số thành phần đánh giá.

Trong 3 tiêu chí đánh giá cải cải thể chế, có 1/3 tiêu chí tỷ lệ % điểm tăng so với năm 2021 là tiêu chí tham mưu xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiến nghị tăng 5,26%; 2/3 tiêu chí giảm gồm: rà soát văn bản quy phạm pháp luật giảm 12,35%, theo dõi thi hành pháp luật giảm 2,63%. Các tiêu chí giảm tỷ lệ % điểm do các đơn vị chưa thực hiện theo quy định việc gửi kết quả rà soát phục vụ cho việc công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngừng hiệu lực; chưa thực hiện kiểm tra tình hình thi hành pháp luật như Sở Giao thông vận tải, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch, Ban Dân tộc.

So với năm 2021, 10/19 đơn vị giữ nguyên chỉ số đạt 100%, 1/19 đơn vị có chỉ số tăng là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tăng 15,38%; 8 đơn vị chỉ số giảm gồm: Sở Giao thông vận tải giảm 30%, Sở Tài nguyên và Môi trường giảm 18,8%, Sở Công thương, Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch, Sở Ngoại vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo giảm 10%, Ban Dân tộc giảm 4,62%, Sở Xây dựng giảm 1,6%.

⁶ Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh không có chức năng, nhiệm vụ thực hiện các nội dung cải cách thể chế nên không chấm điểm.

Biểu đồ 2. Chỉ số thành phần cải cách thể chế của các sở, ban, ngành tỉnh năm 2022

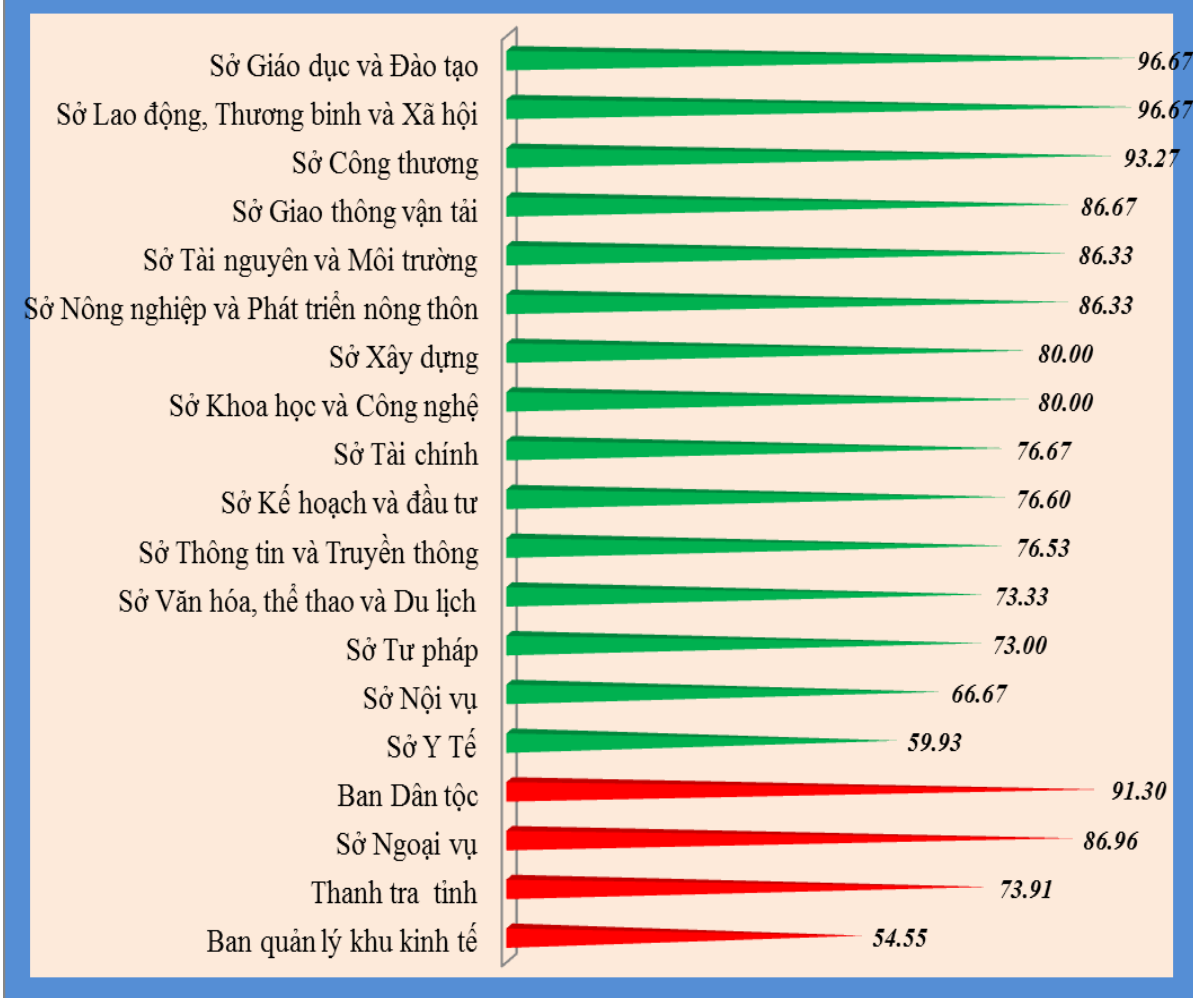


3. Chỉ số thành phần cải cách thủ tục hành chính

Trung bình đạt 78,63%, giảm 6,12% so với năm 2021, trong đó chỉ số trung bình của 15 sở giảm 6,09%, 4 đơn vị đặc thù⁷ giảm 0,87%. Các sở có chỉ số cao gồm: Sở Lao động, thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo đạt 96,67%, tiếp theo là Sở Công thương đạt 93,27%; thấp nhất là Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh đạt 54,55%, tiếp theo là Sở Y tế đạt 59,93%.

⁷ 01 đơn vị không đánh giá là Văn phòng UBND tỉnh do đơn vị không có thủ tục hành chính

Biểu đồ 3. Chỉ số thành phần cải cách thủ tục hành chính của các sở, ban, ngành tỉnh năm 2022



Chỉ số thành phần cải cách thủ tục hành chính được đánh giá qua 7 tiêu chí, trong đó 6 tiêu chí giống năm 2021 và 01 tiêu chí mới. So với năm 2021, có 1 tiêu chí tỷ lệ % điểm tăng là thực hiện rà soát quy định, TTHC tăng 22,37%; 5 tiêu chí giảm gồm: Kiểm soát quy định thủ tục hành chính giảm 38,33%, dự thảo quyết định công bố danh mục TTHC giảm 24,78%, xây dựng và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC giảm 12,5% và thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông giảm 1,68%. 2 tiêu chí đạt tỷ lệ 100% là tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị và tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận, giải quyết, luân chuyển trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh. Bên cạnh những nội dung thực hiện tốt góp phần tăng tỷ lệ % điểm của các tiêu chí, các đơn vị vẫn chưa thực hiện tốt các nội dung: Kiểm soát thủ tục hành chính (Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Thông tin và Truyền thông), dự thảo quyết định công bố danh mục TTHC thuộc thẩm quyền chưa đảm bảo quy định (Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,...), chưa thực hiện tốt cơ chế một cửa, vẫn còn tình trạng trả kết quả giải quyết TTHC muộn (Sở Y tế, Sở Giao thông vận tải..).

Có 7 đơn vị chỉ số thành phần cải cách TTHC tăng so với năm 2021 gồm: Sở Lao động, thương binh và Xã hội tăng 24,25%, Ban Dân tộc tăng 16,3%, Sở Ngoại vụ tăng 8,01%, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tăng 3,57%, Sở Giáo dục và Đào tạo tăng 3,56%, Sở Y tế tăng 0,92%, Sở Công thương tăng 0,16%. Các đơn vị còn lại chỉ số giảm từ 2,62%-27% và giảm nhiều nhất là Sở Tư pháp giảm 27%, tiếp theo là Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch giảm 16,27%.

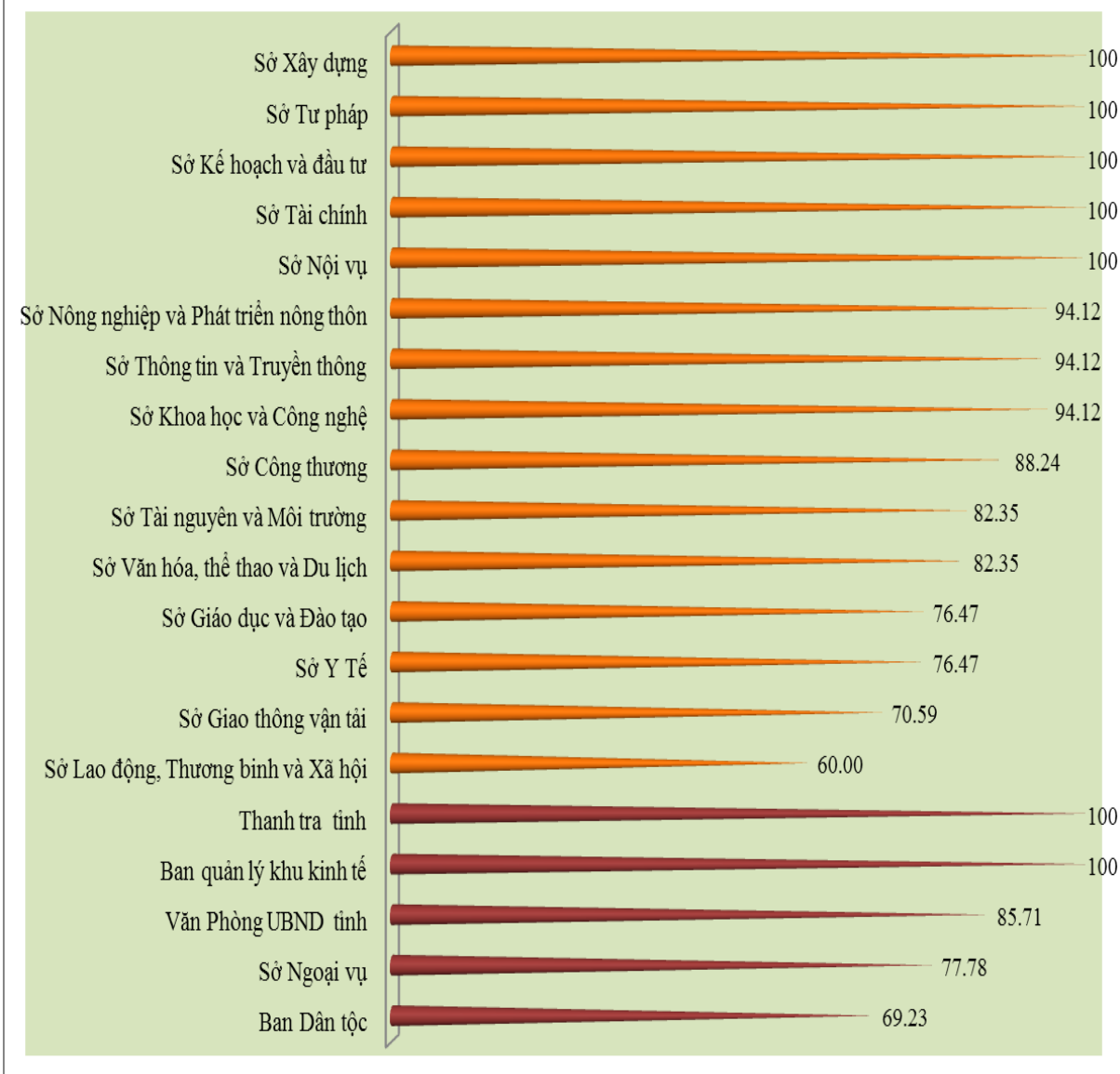
4. Chỉ số thành phần cải cách tổ chức bộ máy

Chỉ số trung bình của các sở, ngành đạt 87.23%-giảm 3.92% so với năm 2021 (trong đó, chỉ số trung bình của 15 sở, ngành giảm 3,36%, 5 đơn vị đặc thù giảm 3,62%). Các đơn vị có chỉ số đạt 100% gồm: Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tư pháp, Sở Xây dựng, Thanh tra tỉnh và Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh; các đơn vị có chỉ số thấp gồm: Sở Lao động, thương binh và Xã hội đạt 60%, Ban Dân tộc đạt 69,23%.

So với năm 2021, có 2/3 tiêu chí đánh giá chỉ số thành phần tổ chức bộ máy tăng là thực hiện phân cấp quản lý tăng 3,86%, thực hiện quy định về sử dụng biên chế được cấp có thẩm quyền giao tăng 1,83%; tiêu chí sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị giảm 7,02%. Tỷ lệ % điểm các tiêu chí đánh giá cải cách tổ chức bộ máy của các sở, ban, ngành giảm do: chưa hiện tham mưu sắp xếp tổ chức bộ máy của cơ quan theo quy định (Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch); chưa kịp thời tham mưu sửa đổi văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của đơn vị khi có sự thay đổi (Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Ngoại vụ, Ban Dân tộc); chưa thực hiện đúng cơ cấu về số lượng và bố trí lãnh đạo cấp phòng (Sở Y tế, Văn phòng UBND tỉnh).

Có 3/20 đơn vị chỉ số không tăng/giảm so với năm 2021 gồm: Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Thanh tra tỉnh; 7/20 đơn vị chỉ số tăng gồm: Sở Xây dựng tăng 22.22%, Văn phòng UBND tỉnh tăng 16,96%, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tư pháp tăng 11,11%, Sở Khoa học và Công nghệ tăng 5,23%, Sở Y tế tăng 4,25%, Ban quản lý Khu kinh tế tăng 1,25%. Các đơn vị còn lại chỉ số giảm từ 5.56%-30,77%, giảm nhiều nhất là Ban Dân tộc giảm 30,77%, tiếp theo là Sở Giao thông vận tải giảm 18,3%, Sở Lao động, thương binh và Xã hội giảm 17,78%.

Biểu đồ 4. Chỉ số thành phần cải cách tổ chức bộ máy của các sở, ban, ngành năm 2022

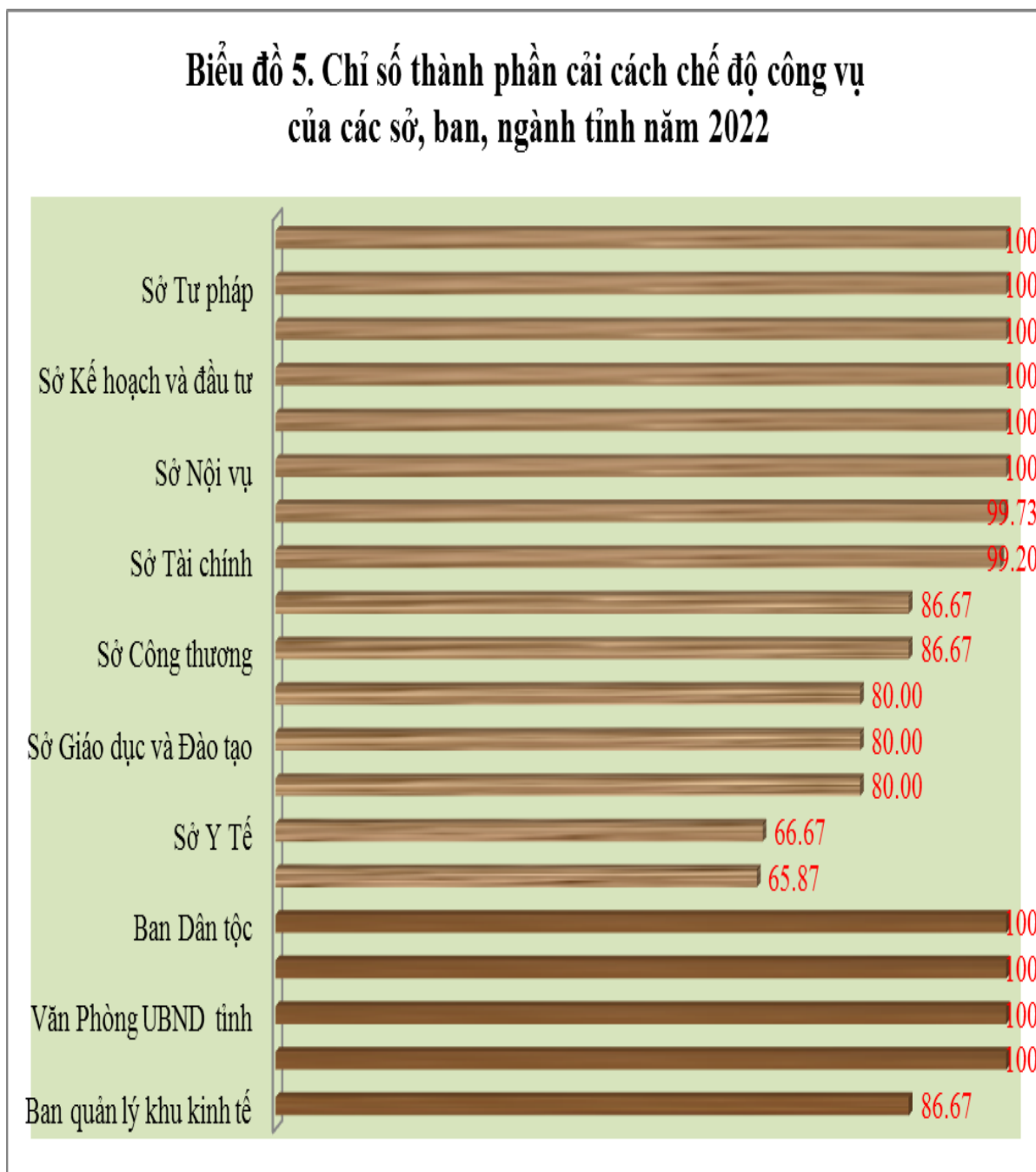


5. Chỉ số thành phần cải cách chế độ công vụ

Chỉ số trung bình của các sở đạt 93,49% - giảm 1,09% so với năm 2021 (trong đó, Chỉ số trung bình của 15 sở đạt 89,65%, 5 đơn vị đặc thù đạt 97,33%). Có 10/20 đơn vị có kết quả cao (đạt 100%), trong khi đó vẫn còn có 02 đơn vị có chỉ số thấp là Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch đạt 65,87%, tiếp theo là Sở Y tế đạt 66,67%.

So với năm 2021, có 2 tiêu chí thực hiện quy định về tuyển dụng và thăng hạng viên chức theo phân cấp quản lý đạt 100%-không tăng/giảm. 4 tiêu chí còn lại đều giảm, giảm nhiều nhất là tiêu chí đánh giá, phân loại công chức giảm 6,57%; tiếp theo là tiêu chí thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo cấp phòng thuộc sở và tương đương; đơn vị sự nghiệp công lập giảm 4,17%, tiêu chí thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm giảm 2,57% và tiêu chí thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giảm 1,2%. Các tiêu chí giảm tỷ lệ % điểm do: thực hiện chưa đúng quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo cấp phòng và tương đương, đơn vị

sự nghiệp trực thuộc (Sở Công thương, Sở Xây dựng), vẫn còn công chức, viên chức có đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ và bị kỷ luật (Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Lao động, thương binh và Xã hội).



So với năm 2022, có 3 đơn vị chỉ số tăng gồm: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng UBND tỉnh tăng 16,67%, Sở Giao thông vận tải tăng 8,07%, 8 đơn vị có chỉ số giảm gồm: Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch giảm 34,13%, Sở Tài nguyên và Môi trường giảm 20%, Sở Xây dựng, Sở Công thương, Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh giảm 13,33%, Sở Lao động, thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo giảm 3,33%, Sở Tài chính giảm 0,8%. Các đơn vị còn lại chỉ số đạt 100%-không tăng/giảm so với năm 2021.

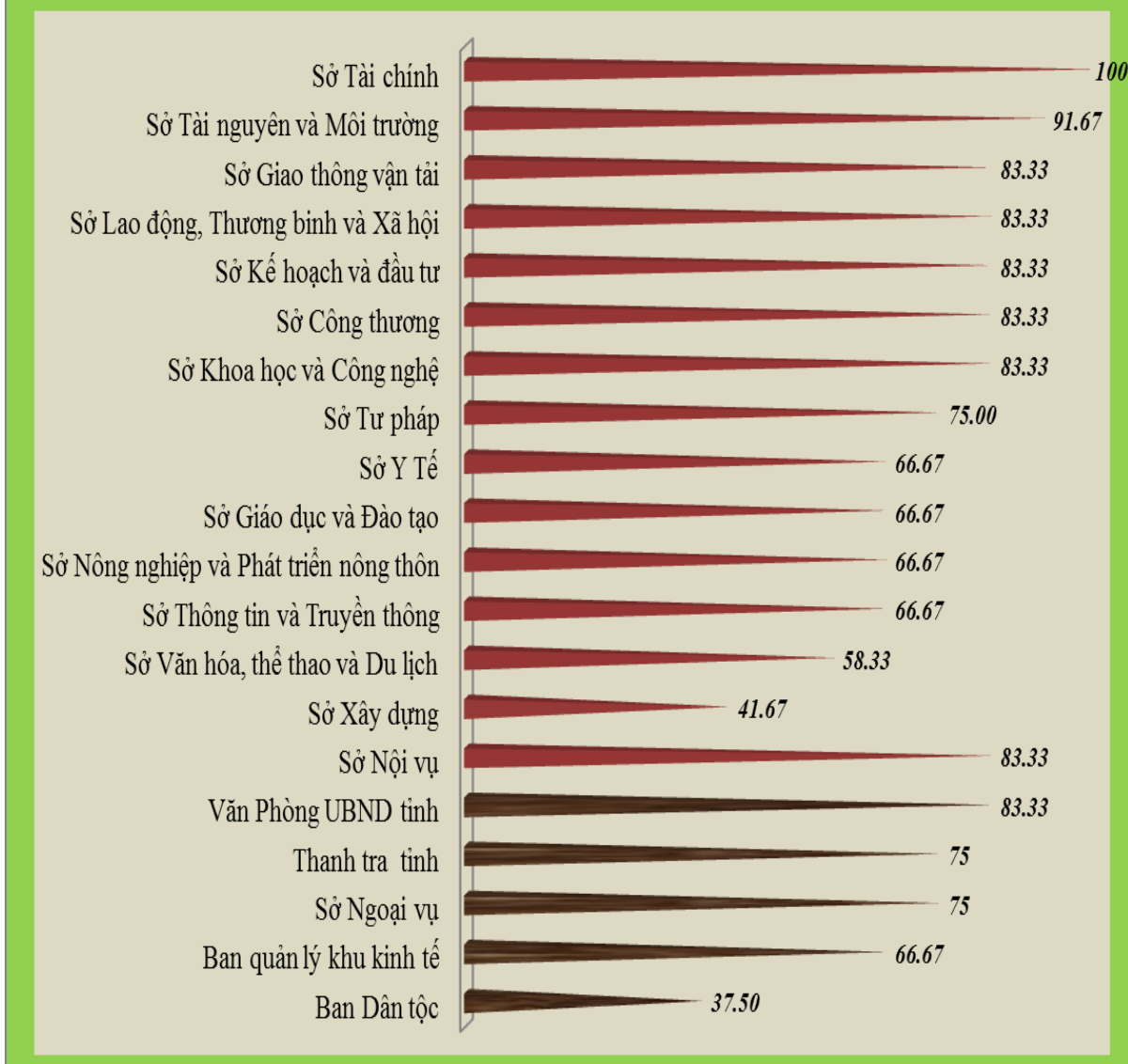
6. Chỉ số thành phần cải cách tài chính công

Đây là Chỉ số thành phần có kết quả thấp nhất trong 8 chỉ số đánh giá của các các sở. Trung bình các sở đạt 72.86%-giảm 4.87% so với năm 2021 (trong đó, chỉ số trung bình của 15 sở đạt 75.56%, 5 đơn vị đặc thù đạt 70.17%). Đơn vị có chỉ số cao nhất là Sở Tài chính đạt 100%, tiếp theo là Sở Tài nguyên và Môi trường đạt 91.67%; thấp nhất là Ban Dân tộc đạt 37.5%.

Trong 4 tiêu chí đánh giá chỉ số thành phần cải cách tài chính công có tiêu chí thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập tăng 30%, 3 tiêu chí còn lại giảm so với năm 2021, trong đó, thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị hành chính giảm 16,67%, tổ chức thực hiện các kiến nghị sau kiểm tra, thanh tra giảm 10%, quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan quản lý nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập giảm 5%. Các tiêu chí có tỷ lệ % điểm giảm do: vẫn còn sai phạm trong thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại cơ quan quản lý nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập (Sở Xây dựng, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Giao thông vận tải, Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch); các đơn vị sự nghiệp công lập có nguồn thu không tăng so với năm 2021 hoặc không có thu (Sở Nội vụ, Sở Công thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Y tế, Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch,...), chưa thực hiện khắc phục triệt để những kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán (Sở Xây dựng, Ban Dân tộc).

So với năm 2021, có 9 đơn vị chỉ số tăng, tăng nhiều nhất là Sở Lao động, thương binh và Xã hội 29,49%, Sở Tài nguyên và Môi trường tăng 22,44%, Sở Tài chính tăng 15,38%, Sở Giao thông vận tải, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ tăng 14,1%, Ban quản lý Khu kinh tế tăng 12,82% và Sở Y tế tăng 5,13%. 11 đơn vị có chỉ số giảm từ 1,18%-58,33%, đơn vị có chỉ số giảm nhiều nhất là Sở Xây dựng giảm 58,33%, tiếp theo là Ban Dân tộc 40,28%, Thanh tra tỉnh, Sở Ngoại vụ, Sở Tư pháp giảm 25%.

Biểu đồ 6. Chỉ số thành phần cải cách tài chính công của các sở, ban, ngành tỉnh năm 2022

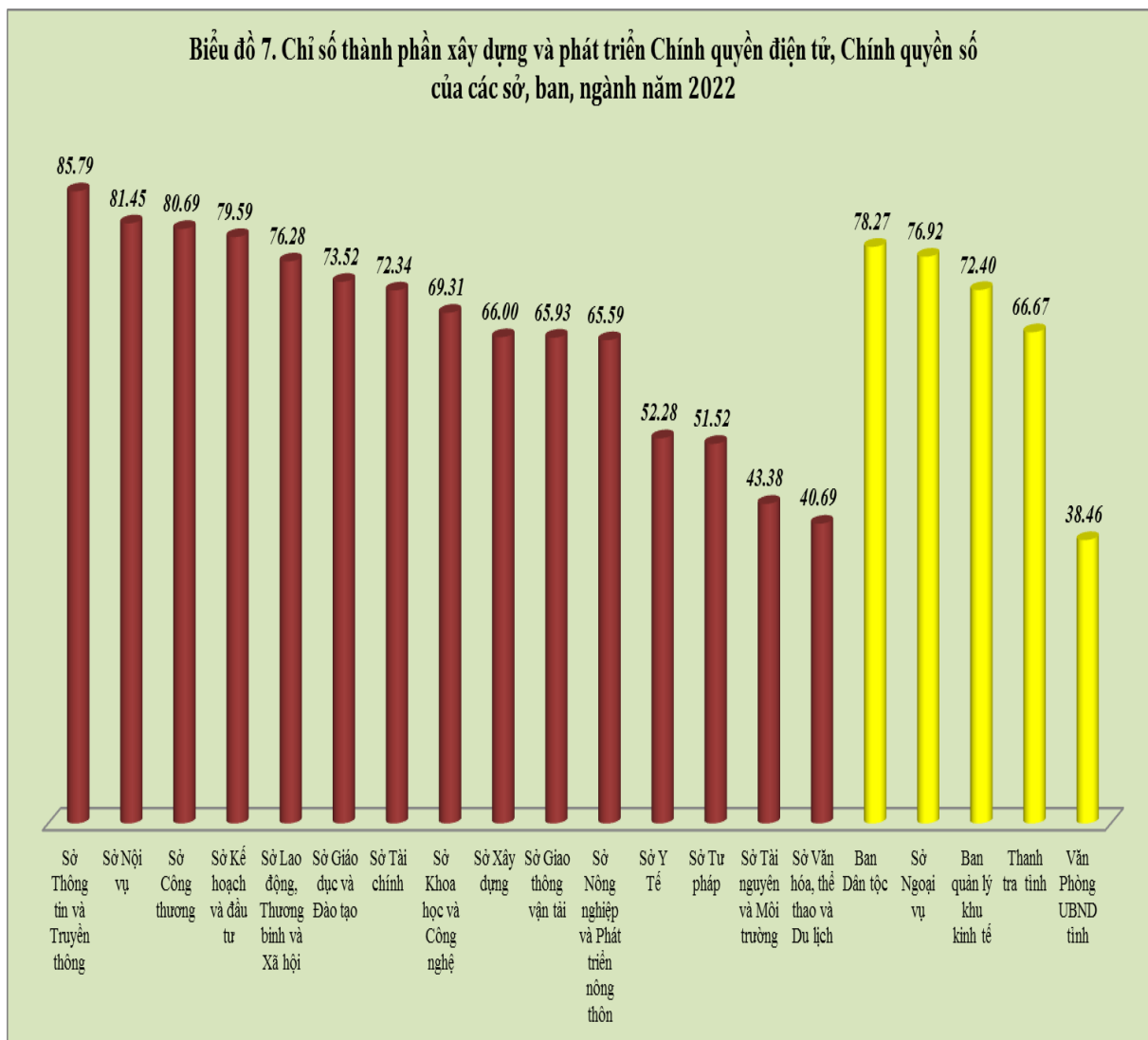


7. Chỉ số xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

Chỉ số trung bình các sở, ngành đạt 65.54%-giảm 5,69% so với năm 2021 (trong đó, chỉ số trung bình của 15 sở đạt 66,96%, 5 đơn vị đặc thù đạt 64.13%). Các đơn vị có chỉ số cao gồm: Sở Thông tin và Truyền thông đạt 85,79%, Sở Nội vụ đạt 81,45%. Nhóm các đơn vị có chỉ số thấp gồm: Văn phòng UBND tỉnh đạt 38,46%, Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch đạt 40,69%, thấp nhất là Sở Tài nguyên và Môi trường đạt 43,38%.

So với năm 2021, đây là chỉ số thành phần có nhiều tiêu chí đánh giá mới. Trong 3 tiêu chí đánh giá, tiêu chí có tỷ lệ điểm cao nhất là phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, tổ chức đạt 77,86%; tiếp theo là tiêu chí xây dựng,

hoàn thiện cơ chế chính sách để triển khai xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số đạt 74%; thấp nhất là phát triển các ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ cơ quan nhà nước đạt 61,2%.



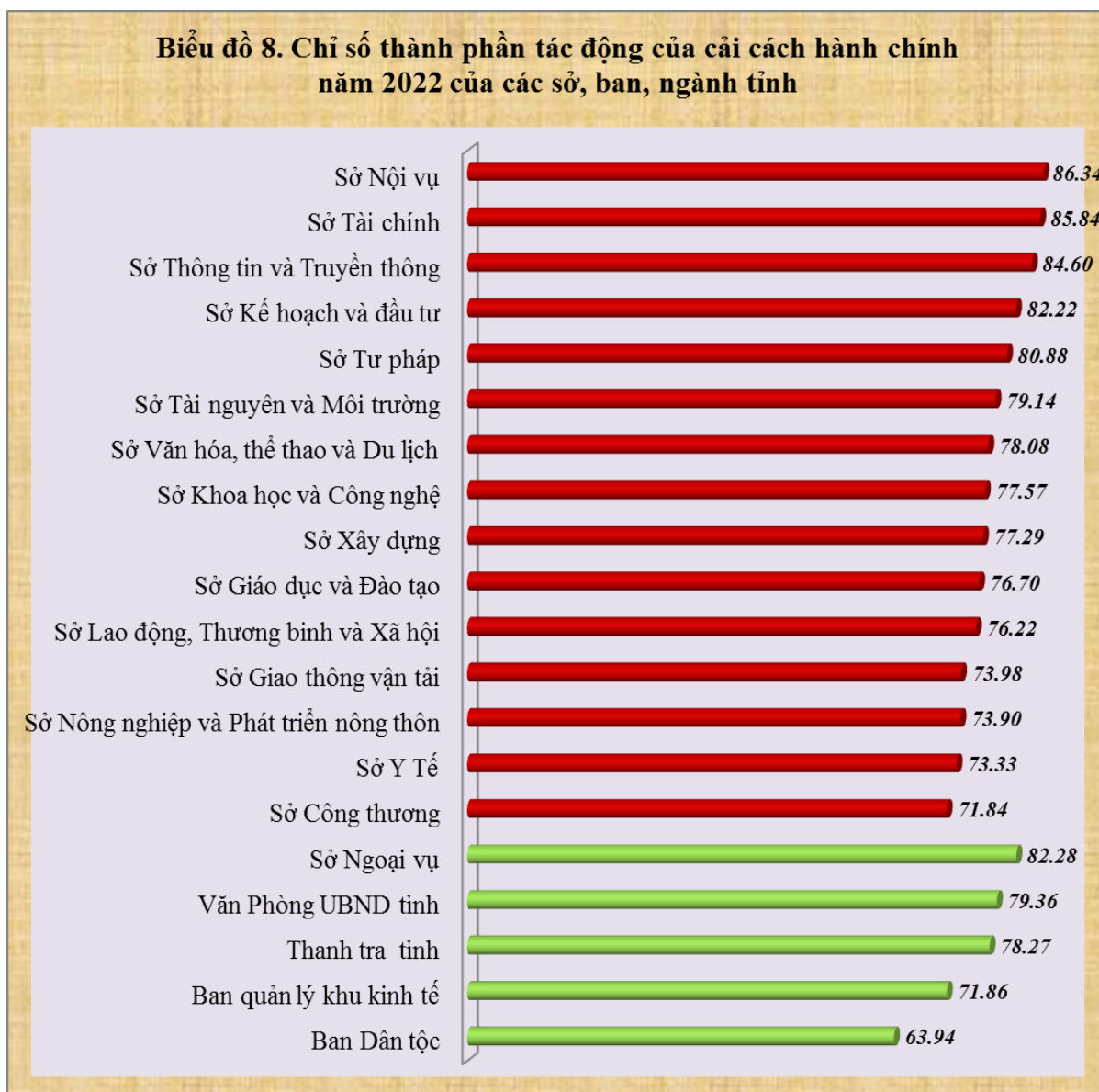
7/20 đơn vị chỉ số tăng so với năm 2021 gồm: Ban Dân tộc tăng 19,44%, Sở Nội vụ tăng 17,9%, Sở Lao động, thương binh và Xã hội tăng 16,68%, Sở Công thương tăng 12,61%, Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh tăng 9,9%, Sở Thông tin và Truyền thông tăng 7,79%, Sở Tài chính tăng 1,14%; Sở Ngoại vụ chỉ số không tăng/giảm đạt 76,92%. Các đơn vị còn lại chỉ số giảm từ 1,56%-53,85%, trong đó Văn phòng UBND tỉnh giảm nhiều nhất 53,85%, tiếp theo là Sở Y tế giảm 30,63%, Sở Tư pháp giảm 27,84%.

Các đơn vị có Chỉ số giảm do thực hiện chưa tốt các nội dung: ban hành kế hoạch chuyển đổi số chưa kịp thời, mức độ thực hiện kế hoạch không đạt yêu cầu (Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch, Văn phòng UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh, ..); chưa bố trí biên chế chuyên trách công nghệ thông tin (Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Ngoại vụ,..); không có TTHC có phát sinh

giao dịch thanh toán trực tuyến và hồ sơ thanh toán trực tuyến hoặc có phát sinh nhưng thấp (Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Sở Công thương, Sở Xây dựng).

8. Chỉ số đánh giá tác động của cải cách hành chính

Chỉ số thành phần đánh giá tác động của cải cách hành chính được đánh giá hoàn toàn qua điều tra xã hội học. Nội dung điều tra đánh giá tác động của cải cách hành chính đến chất lượng ban hành văn bản QPPL, đến tổ chức bộ máy, đến quản lý và chất lượng đội ngũ công chức, viên chức, đến quản lý tài chính công, đến xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số và điều tra sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (đối với 5 đơn vị đặc thù thì không điều tra sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước do năm 2022 không có hồ sơ thủ tục hành chính phát sinh, không thực hiện giải quyết TTHC qua một cửa hoặc không có thủ tục hành chính).



Chỉ số trung bình của các sở đạt 76,84% - tăng 1,11% so với năm 2021 (trong đó chỉ số trung bình của 15 sở đạt 78,53%, 5 đơn vị đặc thù đạt 75,14%). Đơn vị có chỉ số tác động cao nhất là Sở Nội vụ đạt 86,34%, tiếp theo là Sở Tài chính đạt 85,84%; thấp nhất là Ban Dân tộc đạt 63,94%, tiếp theo là Sở Công thương đạt 71,84%.

So với năm 2021, có 6 đơn vị chỉ số giảm, giảm nhiều nhất là Ban Dân tộc giảm 18,76%; tiếp theo là Sở Lao động, thương binh và Xã hội giảm 6,76%, Sở Ngoại vụ giảm 3,82%, Sở Công thương giảm 3,31%, Sở Tư pháp giảm 1,15%, Sở Khoa học và Công nghệ giảm 1,07%. Các đơn vị còn lại chỉ số tăng từ 0,6%-13,5%, đơn vị tăng nhiều nhất là Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh tăng 13,5%, tiếp theo là Sở Tài chính tăng 10,58%, Sở Giao thông vận tải tăng 9,17%, Thanh tra tỉnh tăng 8,43%.

III. Kết quả các chỉ số thành phần của UBND các huyện, thành phố

1. Chỉ số thành phần công tác chỉ đạo, điều hành

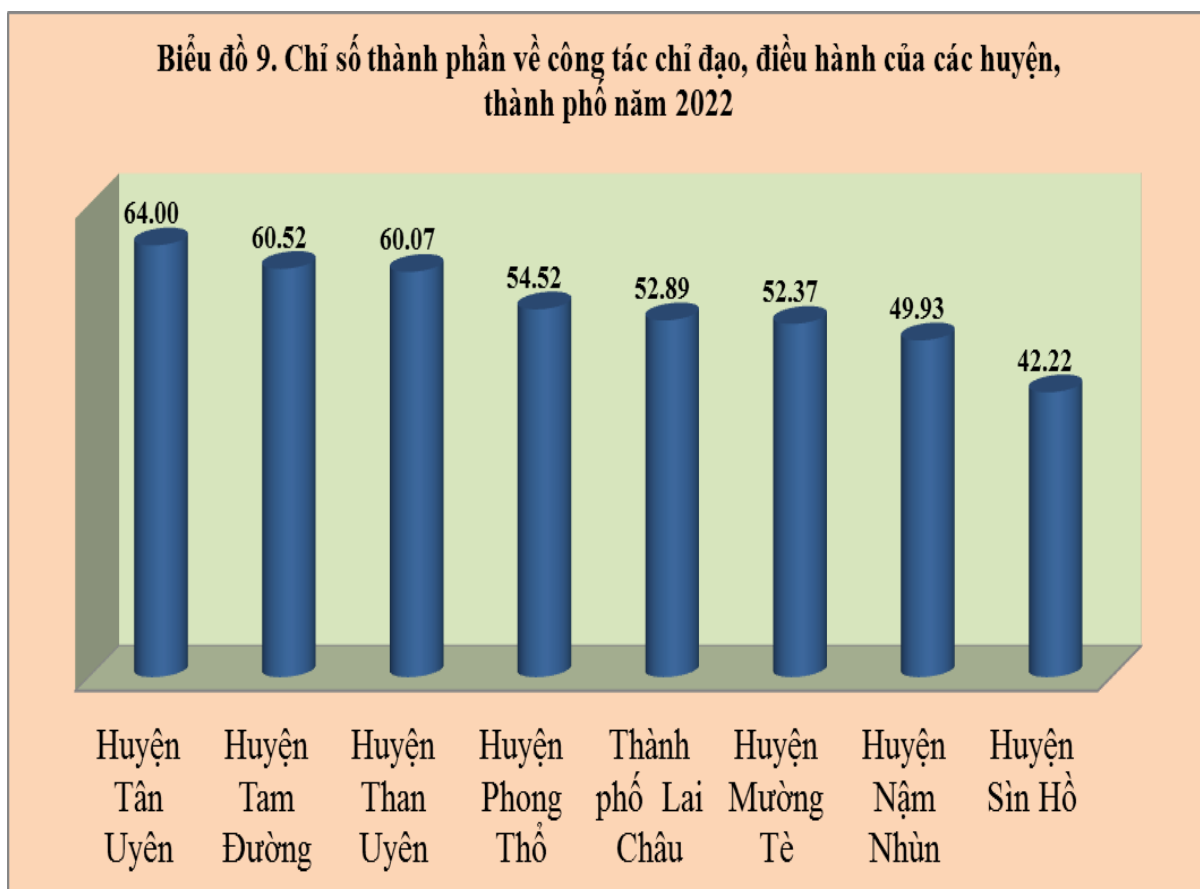
Chỉ số thành phần công tác chỉ đạo, điều hành của các huyện, thành phố trung bình đạt 54,56%-giảm 3,43% so với năm 2021 và không có đơn vị nào chỉ số đạt 70%, cao nhất là huyện Tân Uyên đạt 64%, thấp nhất là huyện Sìn Hồ đạt 42,22%. Các huyện, thành phố còn lại có chỉ số nằm trong khoảng 49,93%-60,52%.

Trong 7 tiêu chí đánh giá công tác chỉ đạo, điều hành của cấp huyện năm 2022, có 2 tiêu chí tăng so với năm 2021 gồm: sáng kiến, giải pháp mới trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính tăng 18,75% và thực hiện văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh tăng 6,51%. 5/7 tiêu chí giảm gồm: thực hiện công tác CCHC gắn với Chỉ số CCHC của tỉnh giảm 50%⁸, thực hiện chế độ báo cáo các nội dung CCHC giảm 23,21%, công tác tuyên truyền giảm 12,5%, công tác kiểm tra giảm 5,71% và mức độ hoàn thành kế hoạch cải cách hành chính giảm 1,63%. Các tiêu chí đánh giá của các huyện, thành phố giảm do: chưa thực hiện tốt việc khắc phục các tồn tại sau kiểm tra cải cách hành chính; chưa có sáng kiến, giải pháp mới trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính (huyện Phong Thổ, huyện Nậm Nhùn, huyện Mường Tè, huyện Sìn Hồ và thành phố Lai Châu) và có tồn tại, hạn chế trong thực hiện cải cách hành chính năm 2022 làm ảnh hưởng đến chỉ số cải cách hành chính của tỉnh (8/8 huyện, thành phố).

So với năm 2021, chỉ số thành phần công tác chỉ đạo điều hành của các huyện, thành phố giảm 3,43%, trong đó có 5/8 đơn vị chỉ số giảm gồm: huyện Nậm Nhùn giảm 16,5%, huyện Than Uyên giảm 10,64%, huyện Phong Thổ giảm 7,62%, thành phố Lai Châu giảm 3,66% và huyện Sìn Hồ giảm 3,31%. 3 đơn vị có

⁸ Năm 2022, 100% các huyện, thành phố đều có tồn tại làm ảnh hưởng đến kết quả Chỉ số CCHC của tỉnh

chỉ số tăng gồm: huyện Tam Đường tăng 11,54%, huyện Mường Tè tăng 2,37%, huyện Tân Uyên tăng 0,43%.

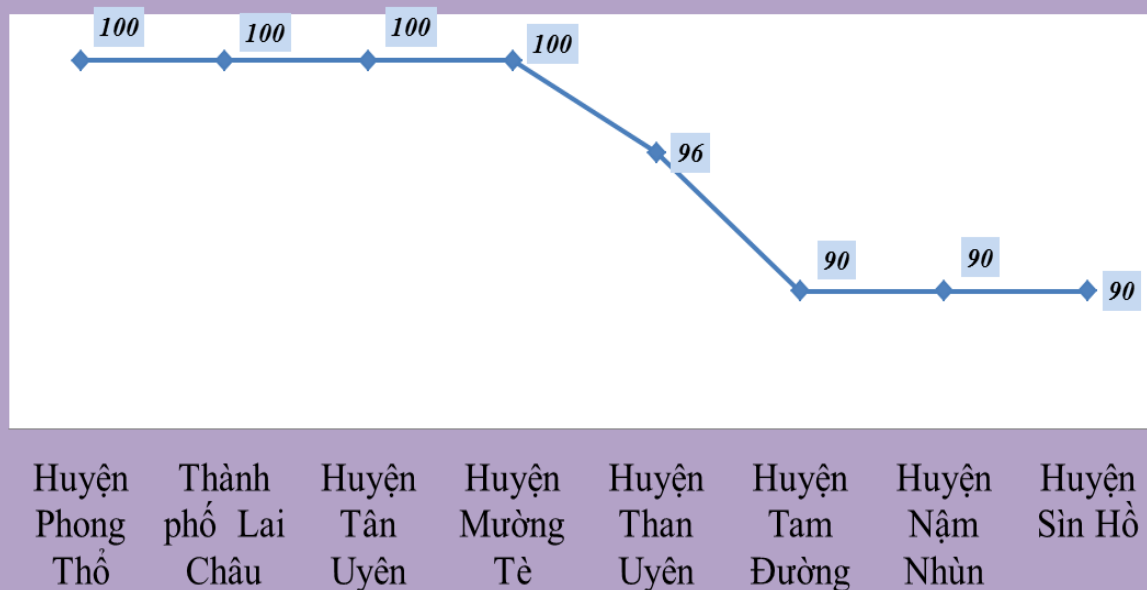


2. Chỉ số thành phần cải cách thể chế

Chỉ số thành phần cải cách thể chế của các huyện, thành phố trung bình đạt 95,57%-giảm 3,21% so với năm 2021. Trong 3 tiêu chí đánh giá, tiêu chí xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiến nghị đạt 100%-không thay đổi so với năm 2021; 2 tiêu chí giảm gồm: theo dõi thi hành pháp luật giảm 6,25%, rà soát văn bản quy phạm pháp luật giảm 5,83%. Các tiêu chí giảm tỷ lệ % điểm so với năm 2021 do: các đơn vị chưa thực hiện đầy đủ 2 hoạt động theo dõi thi hành pháp luật (huyện Nậm Nhùn, huyện Sìn Hồ), chưa hoàn thiện việc xử lý các văn bản quy phạm pháp luật sau rà soát (huyện Than Uyên).

So với năm 2021, có 3 đơn vị chỉ số giữ nguyên, đạt 100% gồm: Huyện Phong Thổ, huyện Tân Uyên và thành phố Lai Châu; đơn vị có chỉ số tăng là huyện Mường Tè tăng 8,33%; 4 đơn vị chỉ số giảm gồm: huyện Sìn Hồ, huyện Nậm Nhùn, huyện Tam Đường, huyện Than Uyên giảm 10%.

Biểu đồ 10. Chỉ số thành phần cải cách thể chế của các huyện, thành phố năm 2022

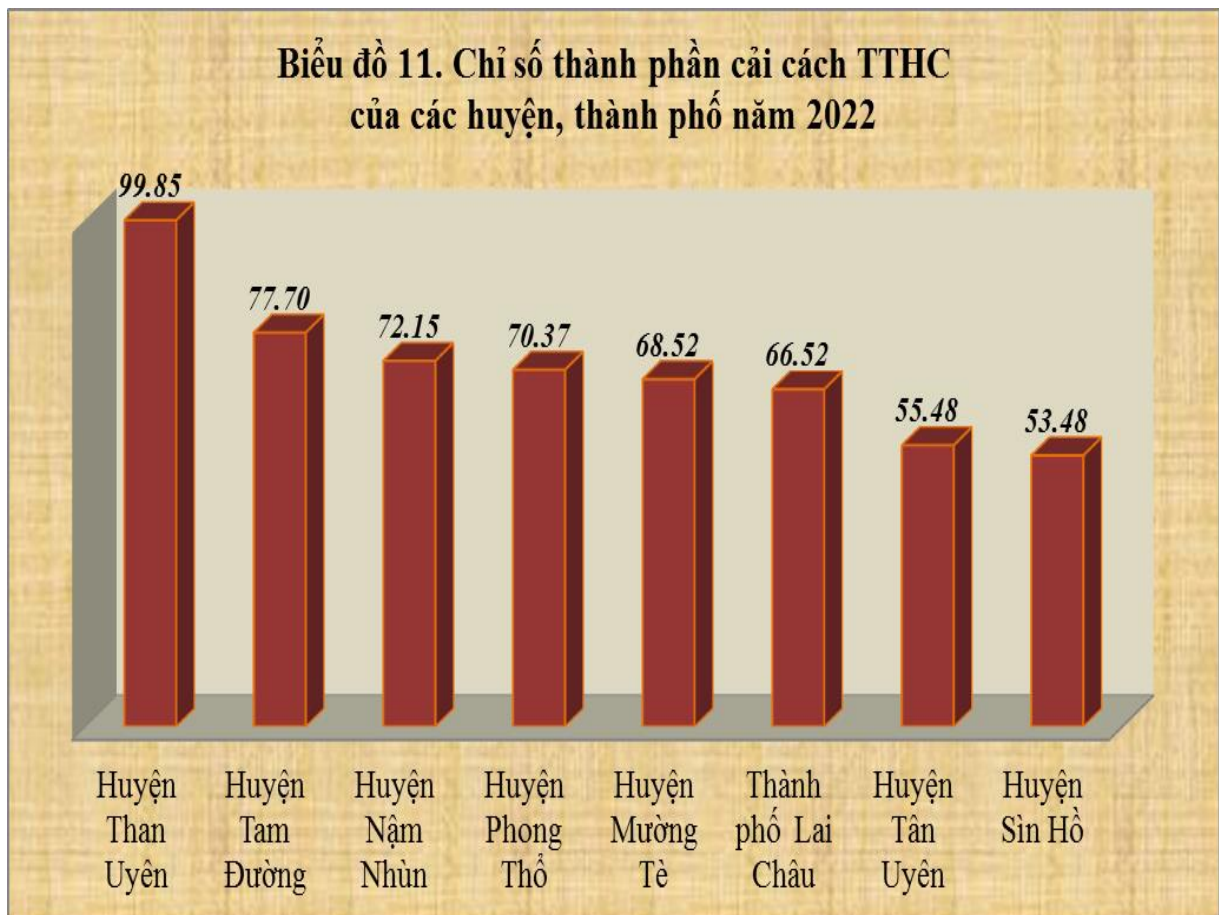


3. Chỉ số thành phần cải cách thủ tục hành chính

Chỉ số trung bình cấp huyện đạt 70.51%- tăng 0.65% so với năm 2021. Cao nhất là huyện Than Uyên đạt 99.85%, tiếp theo là huyện Tam Đường đạt 77.70%; thấp nhất là huyện Sìn Hồ đạt 53.48%, tiếp theo là huyện Tân Uyên đạt 55.48%.

Trong 6 tiêu chí đánh giá chỉ số thành phần cải cách hành chính chỉ có 01 tiêu chí về thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu của Chính phủ, UBND tỉnh giao tăng so với năm 2021-tăng 14,81%; 5 tiêu chí còn lại giảm gồm: niêm yết công khai TTHC và các quy định có liên quan giảm 24,07%; xử lý phản ánh, kiến nghị giảm 12,04%; thực hiện rà soát quy định, TTHC giảm 10,65%; kết quả giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa giảm 6,44% và thực hiện cơ chế một cửa giảm 1,09%. Các tiêu chí có tỷ lệ % điểm giảm do: các đơn vị chưa thực hiện tốt công tác rà soát quy định, TTHC (7/8 huyện, trừ huyện Than Uyên); chưa niêm yết, công khai TTHC và các quy định có liên quan tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (huyện Tân Uyên, thành phố Lai Châu); việc tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ thủ tục hành chính chưa đảm bảo quy định, không thực hiện xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra tình trạng giải quyết trễ hạn hồ sơ TTHC (huyện Phong Thổ, huyện Sìn Hồ, huyện Mường Tè, huyện Tân Uyên và thành phố Lai Châu).

So với năm 2021, có 3/8 đơn vị chỉ số tăng gồm: huyện Nậm Nhùn tăng 15,03%, huyện Mường Tè tăng 14,95%, huyện Tân Uyên tăng 0,12%. 5 đơn vị chỉ số giảm gồm: thành phố Lai Châu giảm 12,03%, huyện Sìn Hồ giảm 7,23%, huyện Tam Đường giảm 4,44%, huyện Phong Thổ giảm 1,05% và huyện Than Uyên giảm 0,15%.

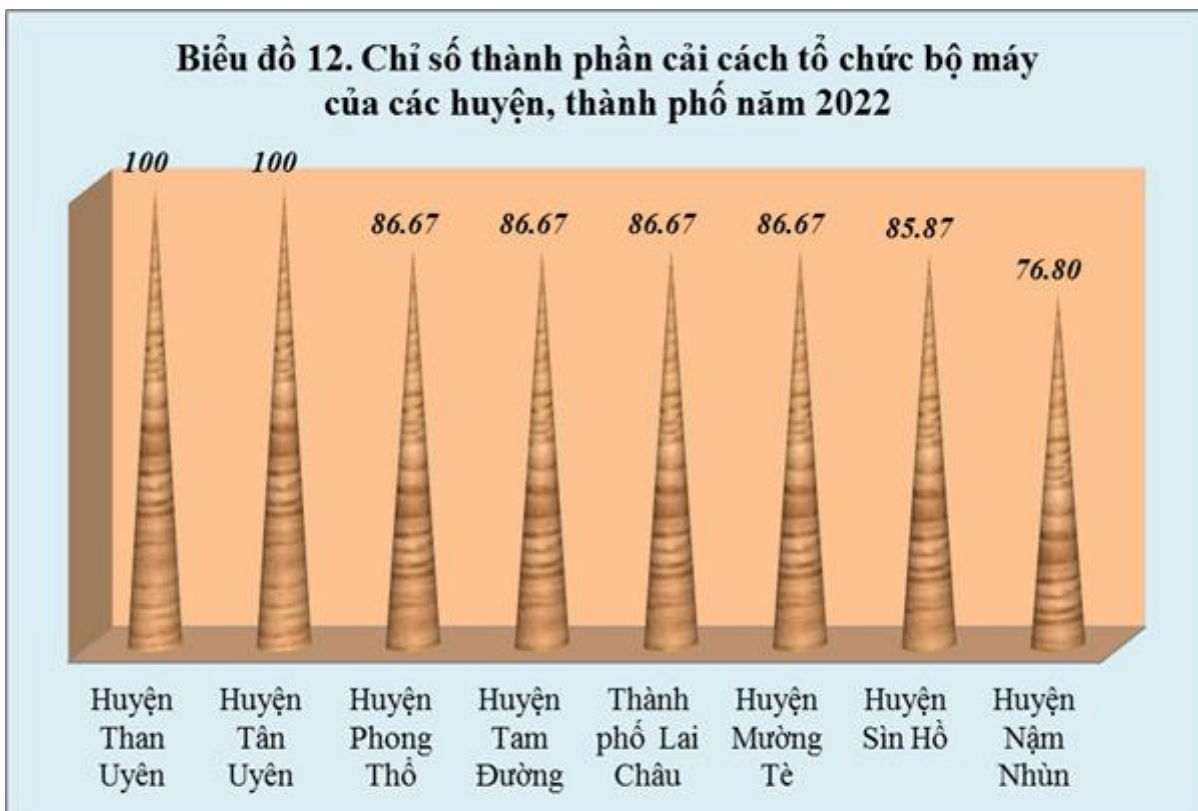


4. Chỉ số thành phần cải cách tổ chức bộ máy

Chỉ số trung bình của các huyện, thành phố đạt 88,67%-tăng 10,99% so với năm 2021. Đây là chỉ số có mức tăng cao nhất trong 8 chỉ số đánh giá của cấp huyện. 2 huyện có chỉ số đạt 100% gồm: huyện Than Uyên và huyện Tân Uyên, thấp nhất là huyện Nậm Nhùn đạt 76,8%.

3 tiêu chí đánh giá chỉ số cải cách tổ chức bộ máy của cấp huyện đều tăng so với năm 2021, tiêu chí sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan đơn vị tăng 18,61%, thực hiện phân cấp quản lý tăng 8,33% và thực hiện quy định về sử dụng biên chế được cấp có thẩm quyền giao tăng 6,25%. Tuy tỷ lệ % điểm tăng nhưng vẫn còn một số tiêu chí thành phần các đơn vị chưa thực hiện tốt như: chưa kịp thời tham mưu sửa đổi, bổ sung văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các phòng, đơn vị trực thuộc (huyện Phong Thổ, huyện Tam Đường, huyện Nậm Nhùn, huyện Mường Tè, huyện Sìn Hồ), tỷ lệ đơn vị sự nghiệp giảm chưa đạt yêu cầu (thành phố Lai Châu, huyện Nậm Nhùn, huyện Sìn Hồ).

7/8 đơn vị có chỉ số tăng so với năm 2021, trong đó tăng nhiều nhất là huyện Phong Thổ 22,52%. Huyện Nậm Nhùn là đơn vị duy nhất chỉ số giảm, giảm 8,91%.



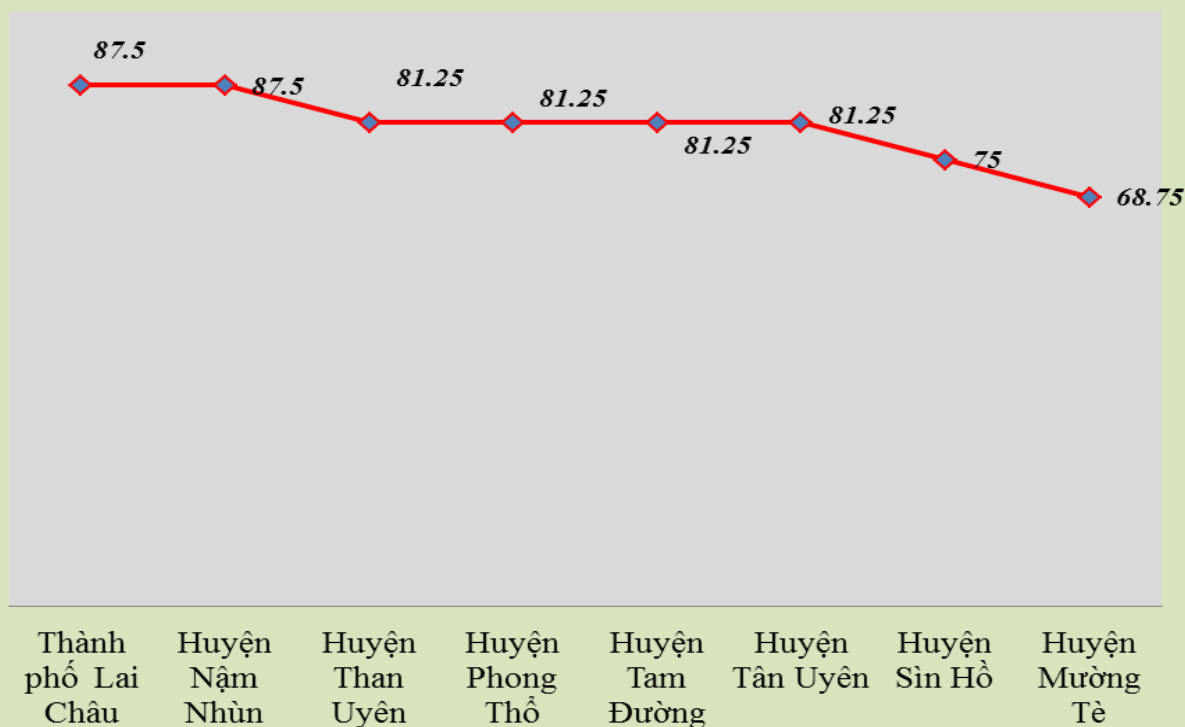
5. Chỉ số thành phần cải cách chế độ công vụ

Chỉ số trung bình của các huyện, thành phố đạt 80,47%-tăng 4,51% so với năm 2021. Đơn vị có chỉ số cao nhất là huyện Nậm Nhùn và thành phố Lai Châu đạt 87,5%, thấp nhất là huyện Mường Tè đạt 68,75%.

Trong 7 tiêu chí đánh giá có 3 tiêu chí đạt 100% -không tăng/giảm so với năm 2021 gồm: thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức, thực hiện quy định về thăng hạng viên chức và mức độ thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng. Các tiêu chí còn lại tăng, trong đó tiêu chí chất lượng cán bộ, công chức cấp xã tăng 37,5%, thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo cấp phòng tăng 12,5%, thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm tăng 6,25% và đánh giá xếp loại công chức, viên chức hàng năm tăng 2,14%. Các tiêu chí có tỷ lệ % điểm giảm do năm 2022 có cán bộ, công chức, viên chức không hoàn thành nhiệm vụ (6/8 đơn vị, trừ huyện Nậm Nhùn và thành phố Lai Châu); có viên chức bị kỷ luật (huyện Mường Tè); có cán bộ, công chức chưa đạt chuẩn theo quy định (huyện Sìn Hồ).

So với năm 2021, có 2 đơn vị chỉ số thành phần cải cách chế độ công vụ giảm là huyện Mường Tè giảm 4,33% và huyện Nậm Nhùn giảm 0,96%. Các đơn vị còn lại có chỉ số tăng, trong đó tăng nhiều nhất là huyện Sìn Hồ tăng 28,85%, tiếp theo là thành phố Lai Châu tăng 6,73%, huyện Tân Uyên tăng 4,33%, các huyện: Phong Thổ, Than Uyên tăng 0,48%

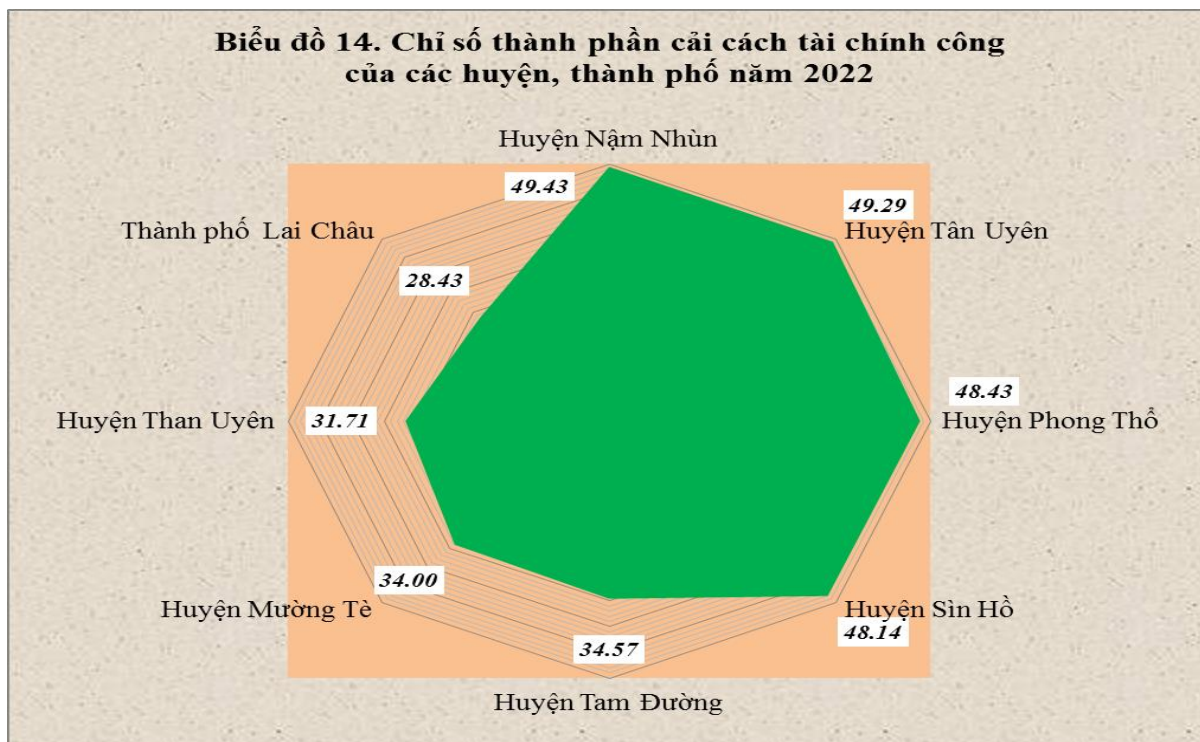
Biểu đồ 13. Chỉ số thành phần cải cách chế độ công vụ của các huyện, thành phố năm 2022



6. Chỉ số thành phần cải cách tài chính công

Chỉ số trung bình của các huyện, thành phố đạt 40,5%-giảm 5,7% so với năm 2021. Không có đơn vị nào đạt chỉ số từ 50% trở lên, cao nhất là huyện Nậm Nhùn đạt 49,43%, tiếp theo là huyện Tân Uyên đạt 49,29% thấp nhất là thành phố Lai Châu đạt 28,43%. Chỉ số thấp do 100% các đơn vị có sai phạm trong thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị quản lý nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập; trong năm, không có huyện nào có tăng thêm đơn vị sự nghiệp đảm bảo chi thường xuyên; một số đơn vị thực hiện chưa tốt việc xử lý các kiến nghị được chỉ ra sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán (huyện Than Uyên), chưa thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc thẩm quyền quản lý (huyện Tam Đường, huyện Mường Tè).

So với năm 2021, có 3/8 đơn vị chỉ số thành phần cải cách tài chính công tăng gồm: huyện Sìn Hồ tăng 8,41%, huyện Tân Uyên tăng 2,9%, huyện Phong Thổ tăng 2,83%; 5/8 đơn vị chỉ số giảm, trong đó giảm nhiều nhất là thành phố Lai Châu giảm 24,5%.

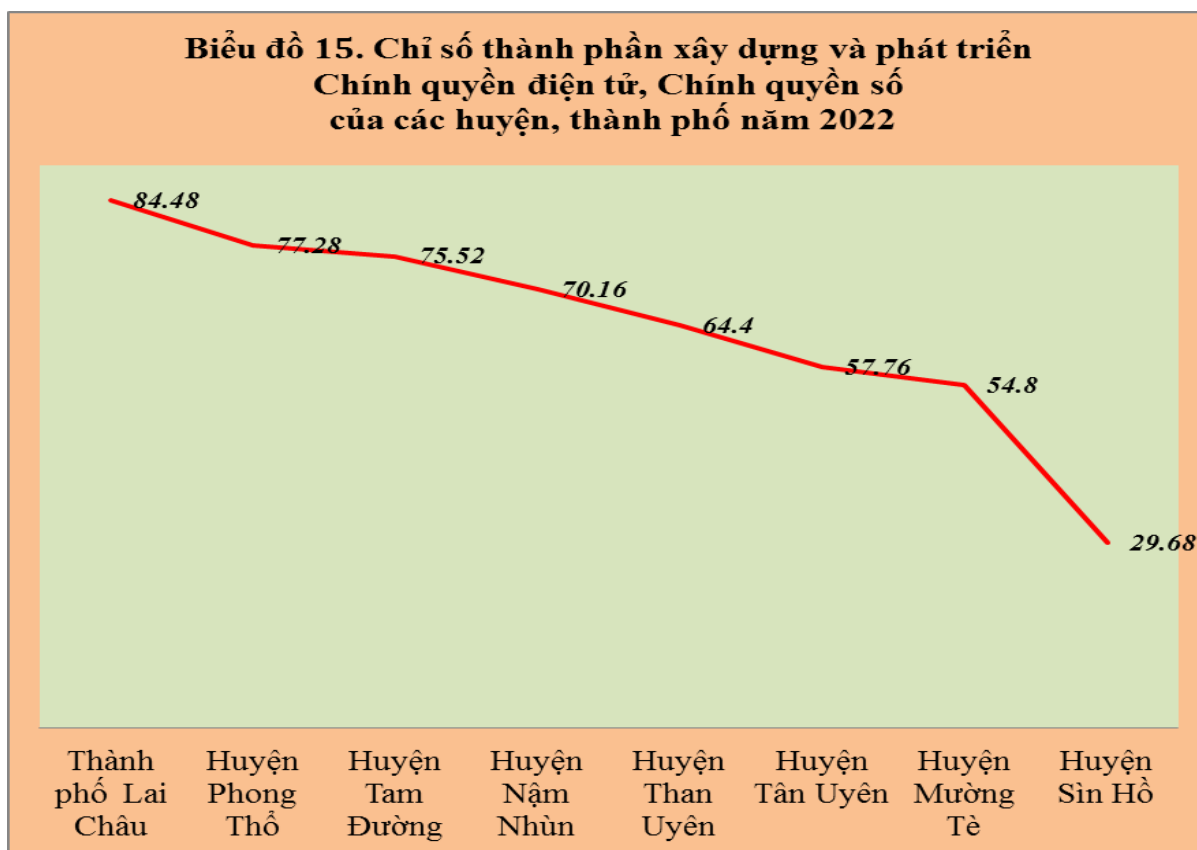


7. Chỉ số thành phần xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

Chỉ số trung bình các huyện, thành phố đạt 64.26%-giảm 6.86% so với năm 2021. Đơn vị có chỉ số cao là thành phố Lai Châu đạt 84.48%, thấp nhất là huyện Sin Hồ đạt 29.68%.

Tiêu chí có tỷ lệ điểm cao nhất là phát triển các ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ cơ quan nhà nước đạt 77,71%; tiếp theo là xây dựng, hoàn thiện cơ chế chính sách để triển khai, xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số đạt 62,5% và thấp nhất là tiêu chí phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân tổ chức đạt 9,13%. Bên cạnh những tiêu chí, tiêu chí thành phần các đơn vị thực hiện tốt vẫn còn nhưng hạn chế như: kế hoạch chuyển đổi số ban hành chưa đảm bảo yêu cầu, chưa bố trí công chức chuyên trách công nghệ thông tin (huyện Than Uyên, huyện Tân Uyên, huyện Mường Tè, huyện Sin Hồ); tỷ lệ gửi nhận văn bản điện tử, hồ sơ công việc trên môi trường mạng và tỷ lệ cài phần mềm an toàn thông tin có bản quyền thấp (huyện Nậm Nhùn, huyện Sin Hồ, huyện Than Uyên, huyện Tân Uyên); tỷ lệ TTHC dịch vụ công có phát sinh hồ sơ thấp tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch trực tuyến và tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến ở tất cả các huyện, thành phố đều phát sinh ít hoặc không phát sinh.

So với năm 2022, 02 đơn vị cấp huyện có chỉ số tăng là thành phố Lai Châu tăng 2,93% và huyện Phong Thổ tăng 2,34%. Đơn vị có chỉ số giảm nhiều nhất là huyện Mường Tè giảm 25,09%, tiếp theo là huyện Sin Hồ giảm 18,51%, huyện Than Uyên giảm 7,93%, huyện Tân Uyên giảm 4,31%, huyện Tam Đường giảm 3,64%, huyện Nậm Nhùn giảm 0,67%.



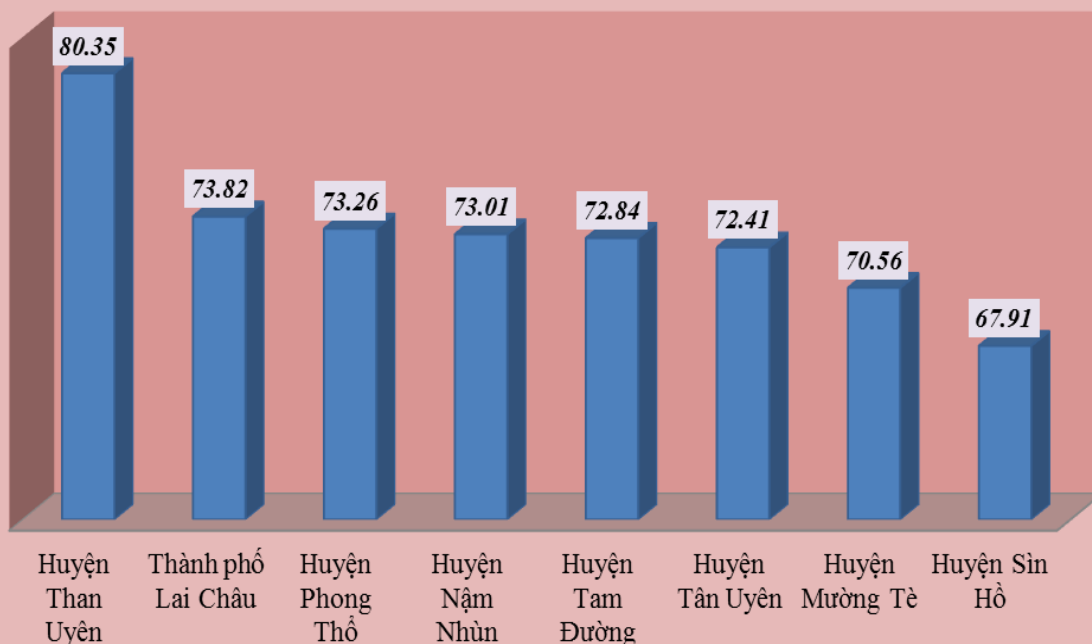
8. Chỉ số thành phần tác động của các cải cách hành chính đến người dân, tổ chức

Đối với cấp huyện, ngoài các nội dung điều tra xã hội học đánh giá như các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố còn được đánh giá thêm các nội dung (thông qua công tác thẩm định): Mức độ phát triển hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể; thực hiện thu ngân sách hàng năm và mức độ thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội được UBND tỉnh giao. So với năm 2021, chỉ có 1/8 đơn vị thực hiện không đạt các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội do UBND tỉnh giao là huyện Phong Thổ⁹. Chỉ số trung bình của các huyện, thành phố đạt 73,01%-tăng 1,13% so với năm 2021. Đơn vị có chỉ số cao nhất là huyện Than Uyên đạt 80,35%, thấp nhất là huyện Sìn Hồ đạt 67,91%.

So với năm 2021, 3 đơn vị có chỉ số giảm là huyện Sìn Hồ giảm 3,71%, huyện Tam Đường giảm 3,36%, huyện Tân Uyên giảm 1,13%; các huyện có chỉ số tăng gồm: huyện Than Uyên tăng 5,56%, huyện Phong Thổ tăng 4,09%, huyện Mường Tè tăng 3,66%, huyện Nậm Nhùn tăng 3,3% và thành phố Lai Châu tăng 0,63%.

⁹ Năm 2021, 100% các đơn vị không đạt

Biểu đồ 16. Chỉ số thành phần tác động của cải cách hành chính đến người dân, tổ chức của các huyện, thành phố năm 2022



C. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Các cơ quan, đơn vị đã bám sát quy định của UBND tỉnh, hướng dẫn của Sở Nội vụ để thực hiện tự đánh giá cơ bản đảm bảo đúng quy định; phối hợp với Sở Nội vụ tiến hành khảo sát, điều tra xã hội học xác định chỉ số cải cách hành chính năm 2022. Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong đánh giá, xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính của các đơn vị (thông qua phần mềm chấm điểm chỉ số cải cách hành chính) góp phần rút ngắn thời gian chấm điểm, giúp cho công tác thẩm định được chính xác, khách quan, nhanh chóng.

Kết quả đánh giá, xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 cho thấy công tác cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị, địa phương vẫn duy trì theo hướng tích cực mặc dù bộ tiêu chí ban hành năm 2022 có những yêu cầu cao hơn, toàn diện hơn so với bộ tiêu chí ban hành năm 2021. Điều này cho thấy các đơn vị, địa phương đã nghiêm túc chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại đã được chỉ ra trong năm 2021 và triển khai thực hiện có hiệu quả các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã quan tâm chỉ đạo, chủ động triển khai thực hiện các nội dung cải cách hành chính; quan tâm bố trí nguồn lực cho công tác cải cách hành chính; thường xuyên kiểm tra và có hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện có hiệu quả các nội dung đã đề ra trong kế hoạch cải cách hành chính năm của đơn vị. Năm 2022 các đơn vị đã cơ bản khắc phục những tồn tại được chỉ ra trong năm 2021 như đề xuất các sáng kiến, giải pháp trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, tăng cường công tác tự kiểm tra, đẩy mạnh công tác tuyên truyền; nâng cao chất lượng tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; thực hiện tốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông, đẩy mạnh thực hiện cải cách tổ chức bộ máy, cải cách chế độ công vụ; ứng dụng công nghệ thông tin

trong hoạt động quản lý, điều hành, nâng cao chất lượng phục vụ hành chính công góp phần tăng mức độ hài lòng của người dân, tổ chức.

2. Hạn chế

Kết quả chỉ số cải cách hành chính năm 2022 cũng cho thấy một số đơn vị chưa thực sự quan tâm tới công tác cải cách hành chính, việc chỉ đạo có thời điểm chưa được sâu sát. Việc khắc phục những hạn chế trong năm trước chỉ ra chưa được khắc phục triệt để. Đặc biệt, một số đơn vị đứng top cuối chưa có những giải pháp quyết liệt để cải thiện thứ hạng của đơn vị mình (Sở Y tế, huyện Sơn Hòa). Một số đơn vị chưa quan tâm, giám sát đến công tác tự đánh giá chấm điểm của đơn vị mình, dẫn đến việc không giải trình, không cung cấp được tài liệu kiểm chứng theo hướng dẫn của Sở Nội vụ, còn tình trạng gửi muộn, gửi không khoa học (Sở Xây dựng, Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Ngoại vụ, Thanh tra tỉnh, Sở Tư pháp và các huyện: Phong Thổ, Tân Uyên).

Bên cạnh những kết quả đạt được, năm 2022 các cơ quan, đơn vị, địa phương vẫn chưa thực hiện tốt các nội dung như: dự thảo quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền chưa đảm bảo quy định, vẫn còn tình trạng giải quyết hồ sơ trễ hạn và không xin lỗi người dân, tổ chức; sai phạm trong quản lý kinh phí tại các đơn vị hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập; tỷ lệ TTHC trực tuyến có phát sinh hồ sơ thấp; không có TTHC phát sinh thanh toán trực tuyến và hồ sơ thanh toán trực tuyến ít hoặc không có,....

Một số thành viên Tổ giúp việc tham gia lần đầu, nên việc thẩm định gặp một số khó khăn, chưa thống nhất, ảnh hưởng đến tiến độ tổng hợp kết quả chung của Sở Nội vụ.

3. Đề xuất, kiến nghị

UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương quan tâm, đổi mới và bố trí nguồn lực để triển khai có hiệu quả công tác cải cách hành chính; sử dụng có hiệu quả kết quả Chỉ số cải cách hành chính trong công tác quản lý, điều hành và theo dõi, đánh giá, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương cần nhận thức rõ hơn tầm quan trọng của công tác cải cách hành chính để quan tâm chỉ đạo sát sao hơn, đánh giá những mặt được, mặt chưa được, làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm để có các giải pháp khắc phục triệt để.

Các cơ quan, đơn vị cần năng động, sáng tạo, chủ động nghiên cứu, đề xuất và tổ chức thực hiện các sáng kiến, giải pháp, mô hình mới để thực hiện có hiệu quả công tác cải cách hành chính tại đơn vị, địa phương.

Tiếp tục nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông, đổi mới, cải tiến về cách thức giao dịch hồ sơ, nâng cao chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính. Sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, đẩy mạnh phân cấp quản lý gắn với tăng cường kiểm tra các nội dung đã phân cấp. Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, siết chặt kỷ luật, kỷ

cương hành chính. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số tại đơn vị, địa phương.

Tăng cường kiểm tra cải cách hành chính, tập trung kiểm tra chuyên đề, kiểm tra đột xuất gắn với đổi mới cơ chế, hình thức kiểm tra, giám sát, khắc phục các hạn chế, xử lý nghiêm các vi phạm trong công tác cải cách hành chính. Đổi mới phương thức tiếp nhận và giải quyết phản ánh, kiến nghị của tổ chức, công dân, bảo đảm nhanh chóng, hiệu quả.

Trên đây là báo cáo phân tích Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 của các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Lai Châu;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Hội đồng thẩm định và Tổ giúp việc HĐTĐ;
- Trang cchc.laichau.gov.vn.
- Lưu: TGV.

TM. HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ
Vừ A Tiễn